

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

I. Thông tin chung về học phần

Tên học phần: Luật Hiến pháp

Mã học phần: LAW303

Số tín chỉ: 02

Đối tượng học: Hệ đại học, ngành Luật

Loại học phần (Bắt buộc/Tự chọn): Bắt buộc

Môn tiên quyết/Môn học trước: Nhập môn ngành Luật

Đơn vị phụ trách: Khoa Kế toán - Tài chính

Thông tin giảng viên:

Giảng viên phụ trách:

II. Mô tả học phần

Học phần Luật Hiến pháp Việt Nam cung cấp những kiến thức về khoa học luật hiến pháp, ngành luật hiến pháp, chế định về chế độ chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục, khoa học công nghệ, an ninh quốc phòng, chính sách đối ngoại, quan hệ cơ bản giữa nhà nước và công dân, những vấn đề cơ bản trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong lịch sử lập hiến Việt Nam và pháp luật hiện hành, tạo nền tảng kiến thức chung cho sinh viên trong nghiên cứu các môn khoa học pháp lý tiếp theo.

III. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần

1. Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về:

Học phần Luật Hiến pháp Việt Nam cung cấp cho người học những kiến thức về tổ chức bộ máy các cơ quan nhà nước (Cơ quan quyền lực, cơ quan hành chính, cơ quan xét xử, cơ quan kiểm sát, Chủ tịch nước, chính quyền địa phương); kiến thức về chế độ chính trị, chế độ văn hóa, chế độ kinh tế... quyền và nghĩa vụ pháp lý của công dân và những lĩnh vực quan trọng khác của nhà nước... Trên cơ sở nắm vững kiến thức cơ bản, đồng thời được trang bị ý thức đúng đắn, nghiêm túc và khoa học về bản chất của chế độ xã hội hiện hành hiện nay người học có tư duy, phân tích đánh giá các vấn đề lý luận và thực tiễn, đưa ra được ý kiến cá nhân về các vấn đề trong lĩnh vực Luật Hiến pháp; kỹ năng lựa chọn, vận dụng kiến thức đã được học trong việc nghiên cứu các môn khoa học tiếp theo.

2. Chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra của học phần Sau khi học xong học phần này, người học có thể:		Đáp ứng PLOs Cử nhân Luật
Kiến thức		
CLO1	Hiểu và trình bày được những vấn đề cơ bản về hiến pháp, ngành luật hiến pháp, nội dung các chế định cơ bản của Hiến pháp	PLO2
CLO2	Hiểu và trình bày được những nội dung các chế định cơ bản của các bản Hiến pháp trong lịch sử lập hiến Việt Nam: Hiến pháp năm 1946, Hiến pháp năm 1959, Hiến pháp năm 1980, Hiến pháp năm 1992, Hiến pháp năm 2013	PLO2
CLO3	Mô tả được vị trí pháp lý, cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn, hình thức hoạt động của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân và Viện Kiểm sát nhân dân, chính quyền địa phương.	PLO3
CLO4	Phân tích, xác định đúng các quan hệ pháp luật Hiến pháp và mối quan hệ giữa các cơ quan trong bộ máy nhà nước	PLO6
CLO5	Vận dụng kiến thức đã học, xác định đúng vị trí của cơ quan nhà nước, chức năng, thẩm quyền trong hệ thống chính trị	PLO7
Kỹ năng		
CLO6	Phân tích và vận dụng được những quy định của Hiến pháp trong thực tiễn; biết lên án những hành vi vi phạm Hiến pháp trong thực tiễn	PLO10
CLO7	Làm việc độc lập và làm việc nhóm để thảo luận và giải quyết các vấn đề liên quan đến Luật Hiến pháp, thực hiện tốt các yêu cầu của môn học.	PLO12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
CLO8	Có ý thức nghiêm chỉnh chấp hành và bảo vệ hiến pháp, pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; có thái độ tôn trọng Hiến pháp và pháp luật	PLO14

CLO9	Tích cực thực hiện những quyền và nghĩa vụ công dân; tích cực tham gia quản lý nhà nước và xã hội thông qua các cơ quan, tổ chức, đoàn thể sau khi tốt nghiệp.	PLO15
------	--	-------

Ghi chú: *PLOs (Programme Learning Outcomes): Chuẩn đầu ra cấp CTĐT*

CLOs (Course Learning Outcomes): Chuẩn đầu ra học phần

3. Mức độ đóng góp của học phần cho PLOs

Học phần này đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Cử nhân Luật theo mức độ sau: (bảng sau đây là trích ngang của matrix: Sự đóng góp của mỗi học phần cho PLOs của CTĐT Cử nhân Luật)

L (Low): Đóng góp ít/liên quan ít

M (Medium): Đóng góp không nhiều/liên quan không nhiều

H (High): Đóng góp nhiều/liên quan nhiều

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho PLOs của CTĐT														
		PL O 1	PL O 2	PL O 3	PL O 4	PL O 5	PL O 6	PL O 7	PL O 8	PL O 9	PL O 10	PL O 11	PL O 12	PL O 13	PL O 14	PL O 15
LAW 303	Luật Hiến pháp		M	M			M	M			M		M		M	M

IV. Nội dung

1. Phân bổ thời gian và điều kiện thực hiện

STT	Tên chương	Lý thuyết (tiết)	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập (tiết)	Dụng cụ và trang thiết bị cần thiết
1	Chương 1. Những vấn đề cơ bản về ngành Luật Hiến pháp và khoa học luật Hiến pháp	3	3	Bảng, phấn, máy
2	Chương 2. Hiến pháp và lịch sử lập hiến Việt Nam	3	3	
3	Chương 3. Chế độ chính trị	3	3	

4	Chương 4. Chính sách kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường	3	3	chiếu, giáo trình, Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam
5	Chương 5. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân	3	3	
6	Chương 6. Chế độ bầu cử Chương 7. Bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	3	3	
7	Chương 8. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	3	3	
8	Chương 9. Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	3	3	
9	Chương 10. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	3	3	
10	Chương 11. Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân Chương 12. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân	3	3	
Tổng		30	30	

2. Nội dung chi tiết

Chương 1. Những vấn đề cơ bản về ngành Luật Hiến pháp và khoa học luật Hiến pháp

1.1. Ngành luật Hiến pháp Việt Nam

1.1.1. Đối tượng điều chỉnh của ngành luật hiến pháp

1.1.2. Phương pháp điều chỉnh

1.1.3. Khái niệm ngành luật hiến pháp

1.1.4. Quan hệ pháp luật hiến pháp

1.1.5. Nguồn của luật hiến pháp

1.1.6. Hệ thống ngành luật hiến pháp

1.1.7. Vị trí của luật hiến pháp trong hệ thống pháp luật

1.2. Khoa học luật hiến pháp Việt Nam

1.2.1. Đối tượng nghiên cứu

1.2.2. Phương pháp nghiên cứu

1.2.3. Hệ thống khoa học luật hiến pháp

1.2.4. Vị trí của khoa học luật hiến pháp.

Chương 2. Hiến pháp và lịch sử lập hiến Việt Nam

2.1. Những vấn đề cơ bản về Hiến pháp

2.1.1. Sự ra đời của Hiến pháp

2.1.2. Các quan điểm về Hiến pháp

2.1.3. Phân loại Hiến pháp

2.2. Lịch sử lập hiến Việt Nam

2.2.1. Tư tưởng lập hiến trước cách mạng tháng Tám năm 1945

2.2.2. Hiến pháp năm 1946

2.2.3. Hiến pháp năm 1959

2.2.4. Hiến pháp năm 1980

2.2.5. Hiến pháp năm 1992

2.2.6. Hiến pháp năm 1992 (được sửa đổi, bổ sung năm 2001)

2.2.7. Hiến pháp năm 2013

Chương 3. Chế độ chính trị

3.1. Khái niệm chế độ chính trị

3.2. Chế độ chính trị là một chế định của ngành Luật Hiến pháp Việt Nam

3.2.1. Vị trí của chế định “chế độ chính trị” trong ngành luật Hiến pháp

3.2.2. Nội dung cơ bản của chế định “chế độ chính trị” trong Hiến pháp năm 2013

3.3. Chính thể của Nhà nước Việt Nam

3.3.1. Khái niệm chính thể của nhà nước

3.3.2. Đặc điểm chính thể nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam qua các bản Hiến pháp

3.4. Bản chất của Nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam

3.4.1. Bản chất của Nhà nước Việt Nam qua các bản Hiến pháp

3.4.2. Các đặc điểm thể hiện bản chất của Nhà Cộng hoà XHCN Việt Nam

3.5. Hệ thống chính trị nước Cộng hoà XHCN Việt Nam

3.5.1. Khái niệm hệ thống chính trị

3.5.2. Vị trí, vai trò của các thành viên trong hệ thống chính trị ở Việt Nam

Chương 4. Chính sách kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường

4.1. Chính sách kinh tế

4.1.1. Khái niệm chính sách kinh tế

4.1.2. Nội dung cơ bản của chính sách kinh tế trong Hiến pháp năm 2013

4.2. Chính sách xã hội

4.2.1. Khái niệm chính sách xã hội

4.2.2. Nội dung cơ bản của chính sách xã hội trong Hiến pháp năm 2013

4.3. Chính sách văn hóa

- 4.3.1. Khái niệm văn hóa và chính sách văn hóa
- 4.3.2. Nội dung cơ bản của chính sách văn hóa trong Hiến pháp năm 2013
- 4.4. Chính sách giáo dục
 - 4.4.1. Khái niệm giáo dục, chính sách giáo dục và truyền thống giáo dục Việt Nam
 - 4.4.2. Nội dung cơ bản của chính sách giáo dục trong Hiến pháp năm 2013
- 4.5. Chính sách khoa học và công nghệ
 - 4.5.1. Khái niệm, vai trò của khoa học và công nghệ
 - 4.5.2. Nội dung cơ bản của chính sách khoa học và công nghệ trong Hiến pháp năm 2013

4.6. Chính sách môi trường

- 4.6.1. Vai trò của việc bảo vệ môi trường
- 4.6.2. Nội dung cơ bản của chính sách môi trường trong Hiến pháp năm 2013

Chương 5. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

- 5.1. Khái niệm, các đặc trưng của quyền con người
 - 5.1.1. Khái niệm quyền con người
 - 5.1.2. Các đặc trưng cơ bản của quyền con người
- 5.2. Khái niệm, các đặc trưng cơ bản của quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân
 - 5.2.1. Khái niệm công dân, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân
 - 5.2.2. Các đặc trưng của quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân
- 5.3. Các nguyên tắc hiến pháp của chế định quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân
- 5.4. Các quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo Hiến pháp năm 2013
 - 5.4.1. Các quyền con người theo Hiến pháp năm 2013
 - 5.4.2. Các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo Hiến pháp năm 2013

Chương 6. Chế độ bầu cử

- 6.1. Khái niệm chế độ bầu cử
- 6.2. Các nguyên tắc bầu cử
 - 6.2.1. Nguyên tắc bầu cử phổ thông
 - 6.2.2. Nguyên tắc bầu cử trực tiếp
 - 6.2.3. Nguyên tắc bầu cử bỏ phiếu kín
 - 6.2.4. Nguyên tắc bầu cử bình đẳng
- 6.3. Tiến trình cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND

Chương 7. Bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

- 7.1. Khái niệm Bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam
- 7.2 Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam
 - 7.2.1. Nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân
 - 7.2.2. Nguyên tắc Đảng lãnh đạo các cơ quan nhà nước
 - 7.2.3. Nguyên tắc bình đẳng và đoàn kết dân tộc
 - 7.2.4. Nguyên tắc tập trung dân chủ
 - 7.2.5. Nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp
 - 7.2.6. Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa
- 7.3. Sự hình thành và phát triển của bộ máy nhà nước trong lịch sử lập hiến Việt Nam

Chương 8. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

8.1. Vị trí pháp lý và thẩm quyền

8.1.1. Vị trí pháp lý

8.1.2. Thẩm quyền

8.2. Cơ cấu tổ chức và hình thức hoạt động

8.2.1. Cơ cấu tổ chức

8.2.2. Hình thức hoạt động

8.3. Đại biểu Quốc hội

8.3.1. Địa vị pháp lý

8.3.2. Nhiệm vụ cơ bản

Chương 9. Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

9.1. Vị trí pháp lý

9.1.1. Sự phát triển của chế định Chủ tịch nước qua các bản Hiến pháp

9.1.2. Vị trí pháp lý của Chủ tịch nước trong Hiến pháp năm 2013

9.2. Thẩm quyền của Chủ tịch nước

9.2.1. Nhóm nhiệm vụ, quyền hạn liên quan đến chức năng đại diện, thay mặt nước về đối nội và đối ngoại

9.2.2. Nhóm nhiệm vụ, quyền hạn liên quan đến việc phối hợp các thiết chế quyền lực nhà nước trong các lĩnh vực lập pháp, hành pháp, tư pháp

9.3. Bầu Chủ tịch nước và Phó Chủ tịch nước

9.4. Hội đồng quốc phòng và an ninh

Chương 10. Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

10.1. Vị trí pháp lý, cơ cấu tổ chức, nhiệm kỳ của Chính phủ

10.1.1. Vị trí pháp lý

10.1.2. Cơ cấu tổ chức

10.1.3. Nhiệm kỳ của Chính phủ

10.2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ (*SV tự học*)

10.3. Các hình thức hoạt động của Chính phủ

10.3.1. Phiên họp của Chính phủ

10.3.2. Hoạt động của Thủ tướng Chính phủ

10.3.3. Hoạt động của các Bộ trưởng và thủ trưởng cơ quan ngang Bộ

Chương 11. Toà án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân

11.1. Toà án nhân dân

11.1.1. Vị trí pháp lý

11.1.2. Nhiệm vụ

11.1.3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động

11.1.4. Cơ cấu tổ chức của Tòa án nhân dân

11.2. Viện kiểm sát nhân dân

11.2.1. Vị trí pháp lý

11.2.2. Nhiệm vụ

11.2.3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động

11.2.4. Cơ cấu tổ chức của Viện Kiểm sát nhân dân

Chương 12. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

12.1. Hội đồng nhân dân

12.1.1. Vị trí pháp lý

12.1.2. Thẩm quyền

12.1.3. Cơ cấu tổ chức của Hội đồng nhân dân

12.1.4. Hình thức hoạt động

12.2. Ủy ban nhân dân

12.2.1. Vị trí pháp lý

12.2.2. Thẩm quyền

12.2.3. Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân

12.2.4. Hình thức hoạt động

V. Phương pháp đánh giá học phần

1. Điểm đánh giá quá trình

Bao gồm:

- Điểm chuyên cần: Điểm danh, tích cực tham gia thảo luận, làm bài tập trên lớp; trọng số 20%

- Điểm kiểm tra thường xuyên: 03 bài trọng số 30%

2. Điểm thi kết thúc học phần:

Hình thức thi: tự luận, trọng số 50%

VI. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

- Thuyết giảng trên lớp;
- Hỏi - đáp trực tiếp;
- Giao bài đọc về nhà;
- Hướng dẫn tự học.

2. Phương pháp học tập

- Sinh viên tham gia nghe giảng;
- Sinh viên đọc bài giảng và các tài liệu liên quan, từ đó phát triển giả thuyết và đặt câu hỏi;
- Sinh viên tích cực tham gia các hoạt động trên lớp;
- Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.

VII. Tài liệu học tập

1. Tài liệu chính

+ *Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam* (2015), Trường Đại học Luật Hà Nội, Nxb Công an nhân dân.

2. Tài liệu tham khảo

- Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*, Nxb Lao động, Hà Nội, năm 2014.

- Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (năm 2013 - 1992 - 1980 - 1959 - 1946)*, Nxb Lao động, năm 2015.

**TRƯỜNG KHOA
KẾ TOÁN – TÀI CHÍNH**

TP.Hồ Chí Minh , ngày tháng năm 2021

Giảng viên biên soạn